

Số: 896/QĐ-ĐHKQTĐ

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo ngắn hạn của Trường Đại học Kinh tế quốc dân

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-ĐHKQTĐ-HĐT ngày 09/3/2021 của Hội đồng Trường ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 386/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 24/6/2022 của Hiệu trưởng ban hành Đề án tự chủ của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 2262/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 19/10/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về việc ban hành Quy định về quản lý đào tạo ngắn hạn của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 814/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 10/8/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về việc thành lập Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo ngắn hạn;

Căn cứ vào biên bản nhận xét của các Phản biện, biên bản Thẩm định các Chương trình đào tạo ngắn hạn của Hội đồng thẩm định họp ngày 16/8/2023;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tổng hợp và Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ Kinh tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo ngắn hạn Tiếng Anh tăng cường theo chuẩn quốc tế cấp chứng nhận của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân:

(có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ Kinh tế, Trưởng phòng Tổng hợp, Trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để chỉ đạo);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TH.



GS.TS Phạm Hồng Chương

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2023

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGẮN HẠN

(Ban hành kèm theo quyết định số ..896.../QĐ-ĐHKTQD ngày 18/ 8/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHKQTĐ về việc ban hành chương trình đào tạo ngắn hạn)

1. Thông tin chung

Tên chương trình đào tạo: **Tiếng Anh tăng cường theo chuẩn quốc tế**

Tên chứng nhận do Trường Đại học Kinh tế Quốc dân cấp:

Tên tiếng Việt: Chứng nhận hoàn thành Chương trình Tiếng Anh tăng cường theo chuẩn quốc tế

Tên tiếng Anh: Certificate for Completion of International-Standard Oriented Intensive English Course

Trình độ đào tạo: Đại học

Thời gian đào tạo: 15 tuần.

Thời gian tổ chức học tập vào ban ngày hoặc buổi tối trong tuần hoặc thứ 7 và CN.

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Anh

Thời lượng đào tạo: 3 tín chỉ

Khối lượng kiến thức toàn khóa học

Tổng số tín chỉ: 03 tín chỉ (45 tiết),

Một tín chỉ được đo lường bằng 15 tiết học, mỗi tiết học 50 phút.

Thời gian cập nhật chương trình đào tạo: Tối thiểu 02 lần trong 05 năm

2. Mục tiêu đào tạo (MT)

Chương trình đào tạo ngắn hạn Tiếng Anh tăng cường theo chuẩn quốc tế dành cho các sinh viên đã trúng tuyển vào hệ Đại Học Chính Quy, nhưng chưa đủ điều kiện về Tiếng Anh (điểm kiểm tra phân loại trình độ tiếng Anh tại Trường dưới 20 điểm) và các sinh viên có nhu cầu hoàn thiện vốn kiến thức về tiếng Anh của mình.

Chương trình trang bị năng lực ngôn ngữ, làm quen với chuẩn tiếng Anh quốc tế. Kết thúc khóa học, sinh viên đạt trình độ tương đương trình độ A2 theo khung đánh giá năng lực ngoại ngữ của Châu Âu. Chương trình cũng trang bị nền tảng thuận lợi để sinh viên có thể học lên các chứng chỉ IELTS, TOEFL iBT hoặc TOEIC, tự tin sử dụng Tiếng Anh trong các kỳ thi năng lực ngôn ngữ quốc tế, trong cuộc sống và trong công việc.

Mã MT	Mục tiêu đào tạo
MT1	Người học nắm vững kiến thức ngữ pháp, từ vựng từ cấp độ căn bản (Starters = A0) lên cấp độ tiền trung cấp 1 (Pre – intermediate 1 = A2), đủ để giúp sinh viên hình thành ý từ cơ bản đến mức tương đối phức tạp, và vận dụng hiệu quả trong việc sản sinh ý khi nói và viết, đồng thời làm nền tảng quan trọng cho đọc hiểu và nghe hiểu.
MT2	Người học hình thành các kỹ năng ngôn ngữ ở mức cơ bản trình độ A2 theo khung đánh giá năng lực ngoại ngữ của Châu Âu, xây dựng nền tảng để sinh viên tiếp tục theo học các học phần tiếp theo, giúp sinh viên tự tin sử dụng các kỹ năng Tiếng Anh trong các kỳ thi năng lực ngôn ngữ quốc tế, trong cuộc sống và trong công việc.
MT3	Người học có năng lực học tập độc lập, tự đánh giá trình độ bản thân, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ tiếng Anh.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Kiến thức (KT): Hiểu những kiến thức về các chủ điểm ngữ pháp ở mức độ cơ bản (bao gồm từ loại, cụm từ, mệnh đề, các loại câu, các thời động từ, etc), từ vựng thiết yếu thuộc các chủ đề quen thuộc trong tiếng Anh ở trình độ A2 theo khung đánh giá năng lực ngoại ngữ của Châu Âu; vận dụng trong các mục đích giao tiếp hàng ngày hoặc công việc.

Kỹ năng (KN): Hình thành các kỹ năng ngôn ngữ cơ bản ở mức độ A2 theo khung đánh giá năng lực ngoại ngữ của Châu Âu.

Có thể nghe hiểu ý chính các mẫu thông tin ngắn (nói về ngày, giờ, hay các hiện tượng thời tiết...) đến các bài hội thoại và các bài đọc thoại (bài thuyết trình, bài giới thiệu, bài chia sẻ, bản tin ngắn...) chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc hay gặp trong công việc, học tập, giải trí kéo dài từ 1 đến 2 phút.

Phát âm rõ ràng và tương đối thuần thục; Có khả năng nói rõ các ý tưởng của bản thân, giao tiếp được cơ bản với người nước ngoài bằng tiếng Anh và có thể trình bày được các vấn đề không phức tạp trong phạm vi các chủ đề đã học trong chương trình.

Có thể đọc hiểu các mẫu thông tin ngắn (có độ dài từ 50 đến 200 từ) như tin nhắn, thư điện tử, quảng cáo, thông báo..., và bắt đầu đọc được các đoạn bài đọc dài khoảng 300 từ được thiết kế theo vốn từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp đã học trong nội dung chương trình.

Có thể viết được các câu cơ bản, các email và các văn bản đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp(TC-TN): Thể hiện được năng lực chịu trách nhiệm cá nhân với quá trình, kết quả học tập; năng lực làm việc độc lập hiệu quả; năng lực tự học để nâng cao năng lực tiếng Anh.

Ma trận liên kết mục tiêu và chuẩn đầu ra

CDR	Mã hóa	Mô tả chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo	Liên kết với mục tiêu CTĐT
KT	KT1	Về ngữ pháp: Có thể hiểu những kiến thức ngữ pháp ở mức độ cơ bản thuộc trình độ A2 theo khung đánh giá năng lực ngoại ngữ của Châu Âu, vận dụng trong các mục đích giao tiếp hàng ngày hoặc công việc.	MT1
	KT2	Về từ vựng: Có thể hiểu các từ vựng liên quan đến các chủ đề quen thuộc ở trình độ A2 theo khung đánh giá năng lực ngoại ngữ của Châu Âu, vận dụng trong các mục đích giao tiếp hàng ngày hoặc công việc.	MT1
KN	KN1	Về kỹ năng Nghe: Có thể nghe hiểu ý chính các mẫu thông tin ngắn (nói về ngày, giờ, hay các hiện tượng thời tiết...) đến các bài hội thoại và các bài đọc thoại (bài thuyết trình, bài giới thiệu, bài chia sẻ, bản tin ngắn...) chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc hay gặp trong công việc, học tập, giải trí kéo dài từ 1 đến 2 phút.	MT2
	KN2	Về kỹ năng Nói: Phát âm rõ ràng và tương đối thuần thục; Mô tả được những trải nghiệm, sự kiện, mơ ước, hi vọng, hoài bão; Có khả năng trình bày được các vấn đề không phức tạp trong phạm vi các chủ đề của chương trình (nói rõ các ý tưởng của bản thân, trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích cho ý kiến của mình).	MT2
	KN3	Về kỹ năng Đọc: Có thể đọc hiểu các mẫu thông tin ngắn (có độ dài từ 50 đến 200 từ) như tin nhắn, thư điện tử, quảng cáo, thông báo..., và đọc hiểu ý chính các bài đọc dài khoảng 300 từ được thiết kế chuẩn mực, rõ ràng, bao gồm các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp đã học trong nội dung chương trình.	MT2
	KN4	Về kỹ năng Viết: Có thể viết được các câu cơ bản, các email có độ dài tối thiểu 25 từ và các văn bản đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm có độ dài tối thiểu là 120 từ.	MT2

TC		Thể hiện được năng lực làm việc độc lập hiệu quả, năng lực tự học, tự nghiên cứu để nâng cao năng lực tiếng Anh.	MT3
TN		Thể hiện được năng lực chịu trách nhiệm cá nhân với quá trình, kết quả học tập.	MT3

4. Thông tin tuyển sinh

- a. **Đối tượng tuyển sinh:** Các sinh viên đã trúng tuyển vào hệ Đại Học Chính Quy, nhưng chưa đủ điều kiện về Tiếng Anh (điểm kiểm tra phân loại trình độ tiếng Anh tại Trường dưới 20 điểm) và các cá nhân có nhu cầu học tiếng Anh.
- b. **Phương thức tuyển sinh:** Tuyển sinh liên tục và theo nhu cầu của Trường.
- c. **Điều kiện tuyển sinh:** Theo quy định của Trường

5. Tổ chức đào tạo

Người đào tạo: Giảng viên Việt Nam và Giảng viên nước ngoài theo tỷ lệ (80/20). Giảng viên có trình độ chuyên môn cao và giàu kinh nghiệm, bao gồm:

- Năng lực ngoại ngữ đạt trình độ C1 theo khung đánh giá Châu Âu, tương đương bậc 5 của bài thi Đánh giá năng lực ngoại ngữ 6 bậc VSTEP hoặc 7.0 IELTS trở lên.
- Năng lực sư phạm: chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, CELTA, TEFL, TESOL.

Quy mô lớp: 35 học viên

Địa điểm và các điều kiện về CSVC hỗ trợ đào tạo: Phòng học trực tiếp, các cơ sở vật chất cần thiết cho lớp học ngoại ngữ và nền tảng quản lý học tập LMS.

Hình thức đào tạo: Khóa học được thiết kế theo hình thức tích hợp blended learning. Với mô hình này, sinh viên sẽ được học trực tiếp bởi cả giáo viên Việt Nam và nước ngoài kết hợp với việc sử dụng nền tảng công nghệ e-learning qua hệ thống học trực tuyến trên website của Trung tâm Ngoại ngữ Kinh tế kết hợp với việc giảng dạy, giúp sinh viên có thời lượng thực hành và vận dụng tiếng Anh tối đa.

Thời gian đào tạo: 15 tuần. Thời gian tổ chức học tập vào giờ học chính quy trong tuần.

6. Điều kiện xét hoàn thành khóa học và cấp chứng nhận:

- Tham dự ít nhất 80% các buổi học
- Hoàn thành ít nhất 50% các yêu cầu học tập trên lớp và trực tuyến LMS.
- Đạt ít nhất 5/10 điểm bài thi tiếng Anh cuối khoá.

7. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã (HP)	Tên học phần/Module/Chuyên đề	Số TC	Điều kiện
1	International-Standard Oriented Intensive English Course	Tiếng Anh tăng cường theo chuẩn quốc tế	3	

8. Ma trận liên kết các học phần và chuẩn đầu ra CTĐT

	Kiến thức		Kỹ năng				Trách nhiệm nghề nghiệp	
	KT1	KT2	KN1	KN2	KN3	KN4	TC	TN
Tiếng Anh tăng cường theo chuẩn quốc tế	x	x	x	x	x	x	x	x

9. Phương pháp tiếp cận (giảng dạy) trong đào tạo

- Tiếp cận lý thuyết trực tiếp và gián tiếp: thuyết giảng, đặt câu hỏi, làm bài tập,..
- Học tập tương tác: Tranh luận/thảo luận/làm việc nhóm trên lớp
- Học tập độc lập trực tuyến

10. Tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung môn học: Cung cấp cho người học kiến thức nền tảng gồm các chủ điểm ngữ pháp, từ vựng thuộc các chủ đề thường gặp trong cuộc sống, công việc hay trường học cơ bản (như mô tả ở bảng dưới đây), cũng như phát triển năng lực ngôn ngữ cơ bản, thực hành các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh ở trình độ A2 theo khung đánh giá Châu Âu.

Mục tiêu: Học phần trang bị cho người học kiến thức nền tảng gồm các chủ điểm ngữ pháp, từ vựng thuộc các chủ đề thường gặp trong cuộc sống, phát triển các kỹ năng tiếng Anh cơ bản. Kết thúc khóa học, học viên có thể hiểu những thông tin hiện thực đơn giản được diễn đạt rõ ràng bằng giọng chuẩn về các chủ đề liên quan tới cuộc sống và công việc thường ngày; có thể xác định được ý chính trong các bài nói được trình bày rõ ràng về những chủ đề thường gặp trong cuộc sống, công việc hay trường học, kể cả các câu chuyện khi được diễn đạt rõ ràng bằng phương ngữ chuẩn phổ biến; có thể giao tiếp cơ bản, trao đổi, thể trình bày ý kiến, giải thích về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích cá nhân, học tập, công việc hoặc cuộc sống hằng ngày. Người học có thể vượt qua kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Anh đầu vào, tương đương trình độ A2 theo khung đánh giá năng lực ngoại ngữ của Châu Âu/4.0 IELTS. Chương trình cũng trang bị nền tảng

để học viên tiếp tục theo học các học phần tiếp theo, giúp học viên tự tin sử dụng Tiếng Anh trong các kỳ thi năng lực ngôn ngữ quốc tế, trong cuộc sống và trong công việc.

Yêu cầu giảng viên giảng dạy: Giảng viên Việt Nam và Giảng viên nước ngoài. Giảng viên có trình độ chuyên môn tốt, bao gồm: Năng lực ngoại ngữ đạt trình độ C1 theo khung đánh giá Châu Âu, tương đương bậc 5 của bài thi Đánh giá năng lực ngoại ngữ 6 bậc VSTEP hoặc 7.0 IELTS trở lên. Năng lực sư phạm: chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, CELTA, TEFL...

Yêu cầu chuẩn đầu ra: đạt yêu cầu bài thi đánh giá năng lực tiếng Anh cuối khoá.

Tài liệu học tập:

+ Giáo trình tài liệu chính của HP

[1] Adrian Doff, Cragin Thaine, Herbert Puchta, Jeff Stranks, Petter Lewis-Jones (2020). *Empower A2*, Cambridge University Press.

+ Tài liệu tham khảo

[2] Joana Kosta & Melanie Williams (2019), *Prepare (2nd edition)*, Cambridge.

[3] Cambridge (2020), *Key word list*, Cambridge.

[4] Cambridge (2020), *Key Sample tests*, Cambridge.

[5] Cambridge (2019), *Key English Tests 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7*, Cambridge.

[6] <https://www.cambridgeenglish.org/exams-and-tests/key/preparation/>

[7] <http://www.businessenglishresources.com/>

Phương pháp kiểm tra đánh giá:

Đánh giá chuyên cần: tham gia ít nhất 80% các buổi học

Bài kiểm tra giữa kỳ: 2 bài Nghe-Nói, Đọc-Viết

Bài tập cá nhân trực tuyến: Bên cạnh thời lượng trên lớp và thời gian tự học tại nhà theo phương pháp truyền thống, sinh viên được yêu cầu tăng cường thời gian tự học trên nền tảng LMS trực tuyến, dưới sự giám sát và hỗ trợ của giảng viên và đội ngũ trợ giảng. Sinh viên cần hoàn thành ít nhất 50% nội dung tự học trực tuyến.

Đánh giá cuối trình độ: Bài thi cuối học phần 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết.

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM

PGS.TS Đỗ Anh Đức

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Phạm Hồng Chương

Hà Nội, ngày 18 tháng 8 năm 2023

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

TIẾNG ANH TĂNG CƯỜNG THEO CHUẨN QUỐC TẾ

(Ban hành kèm theo quyết định số ..8.96.../QĐ-ĐHKTQD ngày 18/8/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHKQTĐ về việc ban hành chương trình đào tạo ngắn hạn)

1. Thông tin chung

Tên học phần (HP): Tiếng Anh tăng cường theo chuẩn quốc tế

Mã học phần: HP1.00001

Tổng số tín chỉ: 03 ; Số tín chỉ giảng lý thuyết (Lecture): 01 ; Số tín chỉ giảng thực hành (Seminar): 02

Loại môn học: Bắt buộc

ĐK tiên quyết: sinh viên đã trúng tuyển vào hệ Đại Học Chính Quy của Trường

Điều kiện giảng viên giảng dạy: Giảng viên Việt Nam và Giảng viên nước ngoài theo tỷ lệ (80/20). Giảng viên có trình độ chuyên môn cao và giàu kinh nghiệm, bao gồm:

- Năng lực ngoại ngữ đạt trình độ C1 theo khung đánh giá Châu Âu, tương đương bậc 5 của bài thi Đánh giá năng lực ngoại ngữ 6 bậc VSTEP hoặc 7.0 IELTS trở lên.

- Năng lực sư phạm: chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, CELTA, TEFL, TESOL.

2. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Tiếng Anh tăng cường theo chuẩn quốc tế dành cho các sinh viên đã trúng tuyển vào hệ Đại Học Chính Quy, nhưng chưa đủ điều kiện về Tiếng Anh (điểm kiểm tra phân loại trình độ tiếng Anh tại Trường dưới 20 điểm) và các sinh viên có nhu cầu hoàn thiện vốn kiến thức về tiếng Anh của mình.

Chương trình trang bị năng lực ngôn ngữ, làm quen với chuẩn tiếng Anh quốc tế. Kết thúc khóa học, sinh viên đạt trình độ tương đương trình độ A2 theo khung đánh giá năng lực ngoại ngữ của Châu Âu. Chương trình cũng trang bị nền tảng thuận lợi để sinh viên có thể học lên các chứng chỉ IELTS, TOEFL iBT hoặc TOEIC, tự tin sử dụng Tiếng Anh trong các kỳ thi năng lực ngôn ngữ quốc tế, trong cuộc sống và trong công việc.

3. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

3.1. Mục tiêu của HP

Mã MTHP	Mục tiêu đào tạo	Liên kết với CDR của CTĐT
HP1.MT1	Người học nắm vững kiến thức ngữ pháp, từ vựng từ cấp độ căn bản (Starters = A0) lên cấp độ tiền trung cấp 1 (Pre – intermediate 1 = A2), bao gồm từ loại, cụm từ, mệnh đề và các loại câu, đủ để giúp sinh viên hình thành ý từ cơ bản đến mức tương đối phức tạp, và vận dụng hiệu quả trong việc sản sinh ý khi nói và viết, đồng thời làm nền tảng quan trọng cho đọc hiểu và nghe hiểu.	KT1,2
HP1.MT2	Người học hình thành các kỹ năng ngôn ngữ ở mức cơ bản trình độ A2 theo khung đánh giá năng lực ngoại ngữ của Châu Âu, xây dựng nền tảng để sinh viên tiếp tục theo học các học phần tiếp theo, giúp sinh viên tự tin sử dụng các kỹ năng Tiếng Anh trong các kỳ thi năng lực ngôn ngữ quốc tế, trong cuộc sống và trong công việc.	KN 1,2,3,4
HP1.MT3	Người học có năng lực học tập độc lập, tự đánh giá trình độ bản thân, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ tiếng Anh.	TC-TN

3.2. Chuẩn đầu ra HP

CDR	Mã hóa	Mô tả chuẩn đầu ra học phần
HP1.KT	HP1.KT1	Về ngữ pháp: Có thể hiểu những kiến thức ngữ pháp ở mức độ cơ bản thuộc trình độ A2 theo khung đánh giá năng lực ngoại ngữ của Châu Âu, vận dụng trong các mục đích giao tiếp hàng ngày hoặc công việc.
	HP1.KT2	Về từ vựng: Có thể hiểu các từ vựng liên quan đến các chủ đề quen thuộc ở trình độ A2 theo khung đánh giá năng lực ngoại ngữ của Châu Âu, vận dụng trong các mục đích giao tiếp hàng ngày hoặc công việc.
HP1.KN	HP1.KN1	Về kỹ năng Nghe: Có thể nghe hiểu ý chính các mẫu thông tin ngắn (nói về ngày, giờ, hay các hiện tượng thời tiết...) đến các bài hội thoại và các bài đọc thoại (bài thuyết trình, bài giới thiệu, bài chia sẻ, bản tin ngắn...) chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc hay gặp trong công việc, học tập, giải trí kéo dài từ 1 đến 2 phút.
	HP1.KN2	Về kỹ năng Nói: Phát âm rõ ràng và tương đối thuần thục; Mô tả được những trải nghiệm, sự kiện, mơ ước, hi vọng, hoài bão; Có khả năng trình bày được các vấn đề không phức tạp trong phạm vi các chủ đề của chương trình (nói rõ các ý tưởng của bản thân, trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích cho ý kiến của mình).

CĐR	Mã hóa	Mô tả chuẩn đầu ra học phần
	HP1.KN3	Về kỹ năng Đọc: Có thể đọc hiểu các mẫu thông tin ngắn (có độ dài từ 50 đến 200 từ) như tin nhắn, thư điện tử, quảng cáo, thông báo..., và đọc hiểu ý chính các bài đọc dài khoảng 300 từ được thiết kế chuẩn mực, rõ ràng, bao gồm các từ vựng và các cấu trúc ngữ pháp đã học trong nội dung chương trình.
	HP1.KN4	Về kỹ năng Viết: Có thể viết được các câu cơ bản, các email có độ dài tối thiểu 25 từ và các văn bản đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm có độ dài tối thiểu là 120 từ.
HP1.TC		Thể hiện được năng lực làm việc độc lập hiệu quả, năng lực tự học, tự nghiên cứu để nâng cao năng lực tiếng Anh.
HP1.TN		Thể hiện được năng lực chịu trách nhiệm cá nhân với quá trình, kết quả học tập.

3.3. Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của HP và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

		Kiến thức		Kỹ năng				Tự chủ	Tự chịu TN
		KT1	KT2	KN1	KN2	KN3	KN4	TC	TN
CĐR HP	HP1.KT1	x							
	HP1.KT2		x						
	HP1.KN1			x					
	HP1.KN2				x				
	HP1.KN3					x			
	HP1.KN4						x		
	HP1.TC1							x	
	HP1.TN1								x

4. Cấu trúc HP và phương pháp dạy học

TT	Nội dung	Số buổi/Số tiết	Hoạt động dạy và học	Chuẩn đầu ra học phần							
				1	2	3	4	5	6	7	8
1	Bài 1 Làm quen, giới thiệu khóa học Welcome Part	LT: 01 tiết BT: 02 tiết	Chiến lược dạy: Trực tiếp, Gián tiếp, Tương tác, Học tập độc lập	x	x	x		x	x	x	x

TT	Nội dung	Số buổi/Số tiết	Hoạt động dạy và học	Chuẩn đầu ra học phần								
				1	2	3	4	5	6	7	8	
	<p>Topic 1: People Ngữ pháp: Tobe Từ vựng: countries and nationalities / adjectives Nghe hiểu: Conversations about nationalities, people you know. Đọc hiểu: Facebook entries about people you know / online profiles Viết: Sentences about you and people you know Tài liệu: Đề cương học phần [1] Topic 1 [2] Unit 1</p>		<p>Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Bài tập, câu hỏi, gợi ý - Thực hành + Đặt yêu cầu + Giải quyết vấn đề + Xây dựng ý tưởng + Tương tác, tranh luận, phản hồi, thảo luận, Công não, làm việc nhóm, Yêu cầu học viên: - Nhớ, Hiểu các chủ điểm ngữ pháp, từ vựng, kỹ năng thực hành tiếng đã học, Vận dụng hoàn thành các bài tập nghe hiểu, đọc hiểu và viết câu trên lớp và trực tuyến.</p>									
2	<p>Bài 2 Topic 2: Work and study Ngữ pháp: Present Simple Từ vựng: jobs, studying, time Nghe hiểu: - A conversation about a TV programme - A survey about study habits - Ordering in a cafe Đọc hiểu: - An article about Ice Road Truckers - An online forum about study habits - A competition entry form Viết: Sentences about jobs / questions about study habits Tài liệu: [1] Topic 2</p>	LT: 01 tiết BT: 02 tiết	<p>Chiến lược dạy: Trực tiếp, Gián tiếp, Tương tác, Học tập độc lập Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Bài tập, câu hỏi, gợi ý - Thực hành + Đặt yêu cầu + Giải quyết vấn đề + Xây dựng ý tưởng + Tương tác, tranh luận, phản hồi, thảo luận, Công não, làm việc nhóm, Yêu cầu học viên: - Nhớ, Hiểu các chủ điểm ngữ pháp, từ vựng, kỹ năng thực hành tiếng đã học, Vận dụng hoàn thành bài tập nghe hiểu, đọc hiểu và</p>	x	x	x		x	x	x	x	

TT	Nội dung	Số buổi/Số tiết	Hoạt động dạy và học	Chuẩn đầu ra học phần									
				1	2	3	4	5	6	7	8		
	[2] Unit 2		viết câu trên lớp và trực tuyến.										
3	Bài 3 Topic 1 + 2: People, work and family Phát âm : + Word stress & syllables + Sound: /k/, /o/, /-s/ endings /ou/ + Consonant groups Nói: + Introducing people + Asking for and giving information + Using social networking sites + Jobs + Study habits / studying English Tài liệu: [1] Topic 1+ 2	LT: 01 tiết BT: 02 tiết	Chiến lược dạy: Trực tiếp, Gián tiếp, Tương tác, Học tập độc lập Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Mô phỏng - Thực hành + Đặt yêu cầu + Giải quyết vấn đề + Xây dựng ý tưởng + Tương tác, tranh luận, phản hồi, thảo luận, Công não, làm việc nhóm, Yêu cầu học viên: - Nhớ, Hiểu các quy tắc phát âm, kỹ năng thực hành tiếng đã học, Vận dụng trong bài Nói.		x		x					x	x
4	Bài 4 Topic 3: Daily Life Ngữ pháp: Adverbs of frequency Từ vựng: common verbs / technology Nghe hiểu: Family routines / gadgets Đọc hiểu: An interview about using internet, informal emails Viết: Sentences about your routine and gadgets you have got, informal emails Topic 4: Food Ngữ pháp: Countable and uncountable nouns Từ vựng: food Nghe hiểu: buying food /	LT: 01 tiết BT: 02 tiết	Chiến lược dạy: Trực tiếp, Gián tiếp, Tương tác, Học tập độc lập Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Bài tập, câu hỏi, gợi ý - Thực hành + Đặt yêu cầu + Giải quyết vấn đề + Xây dựng ý tưởng + Tương tác, tranh luận, phản hồi, thảo luận, Công não, làm việc nhóm, Yêu cầu học viên: - Nhớ, Hiểu các chủ điểm ngữ pháp, từ vựng, kỹ năng thực hành tiếng đã học, Vận			x	x	x		x	x	x	x

TT	Nội dung	Số buổi/Số tiết	Hoạt động dạy và học	Chuẩn đầu ra học phần									
				1	2	3	4	5	6	7	8		
	cooking Đọc hiểu: Personal emails Viết: Questions about food Tài liệu: [1] Topic 3 + 4 [2] Unit 3		dụng hoàn thành bài tập nghe hiểu, đọc hiểu và viết câu trên lớp và trực tuyến.										
5	Bài 5 Topic 3 + 4: Daily life and Food Phát âm : + Sentence stress + Sound: /ai/ and /ei/; /k/ and /g/ Nói: + Daily routine + Using Internet + The food you like and don't like Tài liệu: [1] Topic 3 + 4	LT: 01 tiết BT: 02 tiết	Chiến lược dạy: Trực tiếp, Gián tiếp, Tương tác, Học tập độc lập Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Mô phỏng - Thực hành + Đặt yêu cầu + Giải quyết vấn đề + Xây dựng ý tưởng + Tương tác, tranh luận, phản hồi, thảo luận, Công não, làm việc nhóm, Yêu cầu học viên: - Nhớ, Hiểu các quy tắc phát âm, kỹ năng thực hành tiếng đã học, Vận dụng trong bài Nói.	x		x				x	x		
6	Bài 6 Topic 5: Places Ngữ pháp: There is / there are / possessive Từ vựng: places in the city / furniture Nghe hiểu: a new home Đọc hiểu: A newspaper advertisement Viết: sentences about your home. Topic 6: Family Ngữ pháp: Past simple Từ vựng: years / dates Nghe hiểu: Childhood	LT: 01 tiết BT: 02 tiết	Chiến lược dạy: Trực tiếp, Gián tiếp, Tương tác, Học tập độc lập Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Bài tập, câu hỏi, gợi ý - Thực hành + Đặt yêu cầu + Giải quyết vấn đề + Xây dựng ý tưởng + Tương tác, tranh luận, phản hồi, thảo luận, Công não, làm việc nhóm, Yêu cầu học viên:										
				x	x	x		x	x	x	x		

TT	Nội dung	Số buổi/Số tiết	Hoạt động dạy và học	Chuẩn đầu ra học phần											
				1	2	3	4	5	6	7	8				
	hobbies Đọc hiểu: Steve Jobs Viết: Notes about childhood hobbies Tài liệu: [1] Topic 5 + 6 [2] Unit 4		- Nhớ, Hiểu các chủ điểm ngữ pháp, từ vựng, kỹ năng thực hành tiếng đã học, Vận dụng hoàn thành bài tập nghe hiểu, đọc hiểu và viết câu trên lớp và trực tuyến.												
7	Bài 7 Topic 5 + 6: Places and Family Phát âm : + Sentence stress + Sound: /p/ and /b/; -ed endings Nói: + Places you like in the town + Your family + A childhood hobby Tài liệu: [1] Topic 5 + 6	LT: 01 tiết BT: 02 tiết	Chiến lược dạy: Trực tiếp, Gián tiếp, Tương tác, Học tập độc lập Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Mô phỏng - Thực hành + Đặt yêu cầu + Giải quyết vấn đề + Xây dựng ý tưởng + Tương tác, tranh luận, phản hồi, thảo luận, Công não, làm việc nhóm, Yêu cầu học viên: - Nhớ, Hiểu các quy tắc phát âm, kỹ năng thực hành tiếng đã học, Vận dụng trong bài Nói.	x		x				x	x				
8	Bài 8 Topic 7: Journeys Ngữ pháp: past simple / gerunds Từ vựng: transport / transport adjectives Nghe hiểu: traveling on the Silk Road, transport in Moscow, choosing a homestay family Đọc hiểu: Silk Road, metros around the world, online profiles and emails	LT: 01 tiết BT: 02 tiết	Chiến lược dạy: Trực tiếp, Gián tiếp, Tương tác, Học tập độc lập Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Bài tập, câu hỏi, gợi ý - Thực hành + Đặt yêu cầu + Giải quyết vấn đề + Xây dựng ý tưởng + Tương tác, tranh luận, phản hồi, thảo							x	x	x	x	x	x

TT	Nội dung	Số buổi/Số tiết	Hoạt động dạy và học	Chuẩn đầu ra học phần									
				1	2	3	4	5	6	7	8		
	Viết: An email about yourself / linking ideas with <i>after, when, while</i> . Tài liệu: [1] Topic 7 [2] Unit 5		luận, Công não, làm việc nhóm, Yêu cầu học viên: - Nhớ, Hiểu các chủ điểm ngữ pháp, từ vựng, kỹ năng thực hành tiếng đã học, Vận dụng hoàn thành bài tập nghe hiểu, đọc hiểu và viết câu trên lớp và trực tuyến.										
9	Bài 9 Topic 8: Fit and healthy Ngữ pháp: Modal verbs Từ vựng: sport, exercises, appearances, parts of the body Nghe hiểu: Podcast on Olympics, exercises, at the gym, free-time activities Đọc hiểu: high intensity training, an email about a company blog, free-time activities Viết: Sentences about what people have to do / Linking ideas / adverbs of manners. Tài liệu: [1] Topic 8 [6] Unit 6	LT: 01 tiết BT: 02 tiết	Chiến lược dạy: Trực tiếp, Gián tiếp, Tương tác, Học tập độc lập Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Bài tập, câu hỏi, gợi ý - Thực hành + Đặt yêu cầu + Giải quyết vấn đề + Xây dựng ý tưởng + Tương tác, tranh luận, phản hồi, thảo luận, Công não, làm việc nhóm, Yêu cầu học viên: - Nhớ, Hiểu các chủ điểm ngữ pháp, từ vựng, kỹ năng thực hành tiếng đã học, Vận dụng hoàn thành bài tập nghe hiểu, đọc hiểu và viết câu trên lớp và trực tuyến.	x	x	x		x	x	x	x		
10	Bài 10 Topic 7 + 8: Journey, fit and healthy Phát âm : + Emphasizing + Modal verbs: <i>can, can't, could, couldn't, have to</i>	LT: 01 tiết BT: 02 tiết	Chiến lược dạy: Trực tiếp, Gián tiếp, Tương tác, Học tập độc lập Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Mô phỏng	x		x			x	x			

TT	Nội dung	Số buổi/Số tiết	Hoạt động dạy và học	Chuẩn đầu ra học phần									
				1	2	3	4	5	6	7	8		
	+ Joining words Nói: + Transport people use + Homestay families / English-speaking countries you would like to visit. + Famous sport events and people + Free-time activities Tài liệu: [1] Topic 7 + 8		- Thực hành + Đặt yêu cầu + Giải quyết vấn đề + Xây dựng ý tưởng + Tương tác, tranh luận, phản hồi, thảo luận, Công não, làm việc nhóm, Yêu cầu học viên: - Nhớ, Hiểu các quy tắc phát âm, kỹ năng thực hành tiếng đã học, Vận dụng trong bài Nói.										
11	Kiểm tra giữa kỳ	LT: 0 tiết BT: 03 tiết	Chiến lược dạy: Trực tiếp, Học tập độc lập Phương pháp giảng dạy: - Bài tập, câu hỏi Yêu cầu học viên: - Vận dụng các chủ điểm ngữ pháp, từ vựng, kỹ năng thực hành tiếng đã học hoàn thành bài kiểm tra giữa kỳ	x	x	x	x	x	x				
12	Bài 12 Topic 9: Clothes and shopping Ngữ pháp: Present continuous Từ vựng: Shopping Nghe hiểu: what people are wearing, shopping for clothes Đọc hiểu: thank-you emails Viết: thank-you emails Topic 10: Communications Ngữ pháp: comparative and superlative adjectives Từ vựng: IT collocations	LT: 01 tiết BT: 02 tiết	Chiến lược dạy: Trực tiếp, Gián tiếp, Tương tác, Học tập độc lập Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Bài tập, câu hỏi, gợi ý - Thực hành + Đặt yêu cầu + Giải quyết vấn đề + Xây dựng ý tưởng + Tương tác, tranh luận, phản hồi, thảo luận, Công não, làm việc nhóm, Yêu cầu học viên:	x	x	x		x	x	x	x		

TT	Nội dung	Số buổi/Số tiết	Hoạt động dạy và học	Chuẩn đầu ra học phần											
				1	2	3	4	5	6	7	8				
	Nghe hiểu: smartphones and tablets Đọc hiểu: smartphones and tablets Viết: Notes about two similar things Tài liệu: [1] Topic 9 + 10 [2] Unit 7		- Nhớ, Hiểu các chủ điểm ngữ pháp, từ vựng, kỹ năng thực hành tiếng đã học, Vận dụng hoàn thành bài tập nghe hiểu, đọc hiểu và viết câu trên lớp và trực tuyến.												
13	Bài 13 Topic 9 + 10: Clothes, shopping and communication Phát âm : + Stress: word and sentence + Sound: /o/ + Main stress and tone Nói: + Shopping, festivals in your country + Smartphones and tablets, comparing two similar things Tài liệu: [1] Topic 9 + 10	LT: 01 tiết BT: 02 tiết	Chiến lược dạy: Trực tiếp, Gián tiếp, Tương tác, Học tập độc lập Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Mô phỏng - Thực hành + Đặt yêu cầu + Giải quyết vấn đề + Xây dựng ý tưởng + Tương tác, tranh luận, phản hồi, thảo luận, Công não, làm việc nhóm, Yêu cầu học viên: - Nhớ, Hiểu các quy tắc phát âm, kỹ năng thực hành tiếng đã học, Vận dụng trong bài Nói.	x		x				x	x				
14	Bài 14 Topic 11: Entertainment Ngữ pháp: Present perfect Từ vựng: music Nghe hiểu: Music in Buenos Aires Đọc hiểu: Buenos Aires Viết: entertainment events in your city / town Topic 12: Travel Ngữ pháp: going to Từ vựng: travel collocations	LT: 01 tiết BT: 02 tiết	Chiến lược dạy: Trực tiếp, Gián tiếp, Tương tác, Học tập độc lập Phương pháp giảng dạy: - Thuyết giảng - Bài tập, câu hỏi, gợi ý - Thực hành + Đặt yêu cầu + Giải quyết vấn đề + Xây dựng ý tưởng + Tương tác, tranh luận, phản hồi, thảo							x	x	x	x	x	x

TT	Nội dung	Số buổi/Số tiết	Hoạt động dạy và học	Chuẩn đầu ra học phần									
				1	2	3	4	5	6	7	8		
	Nghe hiểu: holidays Đọc hiểu: living in a different country Viết: Notes about surprising things Tài liệu: [1] Topic 11 + 12 [2] Unit 8		luận, Công nã, làm việc nhóm, Yêu cầu học viên: - Nhớ, Hiểu các chủ điểm ngữ pháp, từ vựng, kỹ năng thực hành tiếng đã học, Vận dụng hoàn thành bài tập nghe hiểu, đọc hiểu và viết câu trên lớp và trực tuyến.										
15	Bài 15 Ôn tập Teacher's extra materials	LT: 0 tiết BT: 03 tiết	Chiến lược dạy: Trực tiếp, Tương tác, Học tập độc lập Phương pháp giảng dạy: - Bài tập, câu hỏi, gợi ý - Tương tác, tranh luận, phản hồi, thảo luận Yêu cầu học viên: - Vận dụng các chủ điểm ngữ pháp, từ vựng, kỹ năng thực hành tiếng đã học hoàn thành bài thi thử cuối kỳ.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

5. Tài liệu học tập

5.1. Giáo trình tài liệu chính của HP

[1] Adrian Doff, Craign Thaine, Herbert Puchta, Jeff Stranks, Peter Lewis-Jones (2020). Empower A2, Cambridge University Press.

[2] Guy Brook-Hart, Vanessa Jakeman, David Jay (2016). Complete Ielts 4-5, Cambridge University Press.

5.2. Danh mục tài liệu tham khảo

[2] Joana Kosta & Melanie Williams (2019), *Prepare (2nd edition)*, Cambridge.

[3] Cambridge (2020), *Key word list*, Cambridge.

[4] Cambridge (2020), *Key Sample tests*, Cambridge.

[5] Cambridge (2019), *Key English Tests 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7*, Cambridge.

[6] <https://www.cambridgeenglish.org/exams-and-tests/key/preparation/>

[7] <http://www.businessenglishresources.com/>

6. Nhiệm vụ của học viên:

6.1. Phân lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Dự lớp $\geq 2/3$ (80%) tổng thời lượng của học phần.
- Chuẩn bị thảo luận
- Hoàn thành các bài tập được giao

6.2. Phân thực tế/bài tập lớn/tiểu luận (nếu có)

6.3. *Phần kiểm tra giữa kỳ:* Bài thi 4 kỹ năng tiếng Anh Nghe-Đọc, Nói,Viết.

6.4. *Phần thi cuối kỳ:* Bài thi cuối khoá 4 kỹ năng tiếng Anh Nghe, Nói, Đọc, Viết..

6.5. *Học viên tự nghiên cứu tài liệu:* Bên cạnh thời lượng trên lớp và thời gian tự học tại nhà theo phương pháp truyền thống, sinh viên được yêu cầu tăng cường thời gian tự học trên nền tảng LMS trực tuyến, dưới sự giám sát và hỗ trợ của giảng viên và đội ngũ trợ giảng. Sinh viên cần hoàn thành ít nhất 50% nội dung tự học trực tuyến.

7. Phương thức kiểm tra, đánh giá HP

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
1	Đánh giá chuyên cần	Đánh giá mức độ tích cực học tập, tham gia các hoạt động trong giờ học của học viên	Phương pháp đánh giá thông qua quan sát, theo dõi sự tiến bộ của học viên trong các giờ lên lớp, việc chuẩn bị bài ở nhà của học viên.	HP1.TC; HP1.TN	10%
2	Bài kiểm tra giữa kỳ	Đánh giá mức độ đạt được về trình độ tri thức, kỹ năng, thái độ của học viên qua một giai đoạn học tập của học viên, đánh giá kỹ năng tái hiện kiến thức, kỹ năng vận dụng tri thức, kỹ năng giải quyết vấn đề của học viên sau khi trải qua một quá trình học tập.	Phương pháp đánh giá thông qua kiểm tra tổng hợp 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết.	HP1.KT1-2; HP1.KN1-4	20%
3	Bài tập cá nhân	Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ tự học tập của cá nhân, kỹ năng giao	Phương pháp đánh giá thông qua kết quả bài làm của cá	HP1.KT1-2; HP1.KN1-4 HP1.TC	20%

TT	Thành phần	Mục đích	Phương thức kiểm tra, đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ
		tiếp, tương tác, phản hồi giữa học viên với học viên trên nền tảng trực tuyến LMS.	nhân, quan sát tương tác, đánh giá chất lượng các thảo luận, phản hồi trực tuyến của học viên.	HP1.TN	
4	Thi kết thúc học phần	Đánh giá mức độ đạt được về tri thức, kỹ năng, thái độ sau khi nghiên cứu học phần của học viên, mục đích đánh giá tập trung chủ yếu vào trình độ vận dụng, giải quyết vấn đề của học viên.	Phương pháp đánh giá: Bài thi cuối học phần 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết	HP1.KT1-2 HP1.KN1-4	50%
		TỔNG CỘNG			100%

(Tổng số: 13 trang)